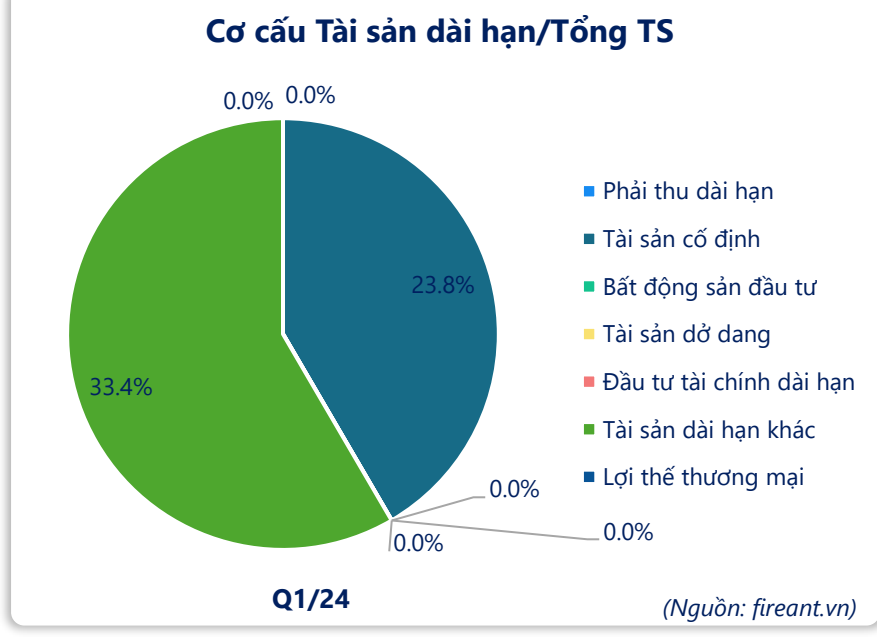
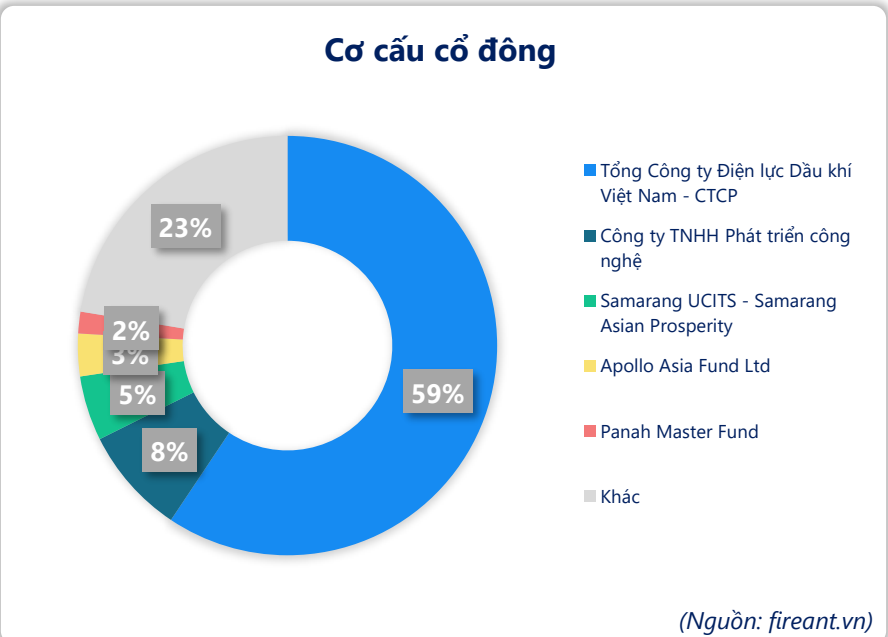
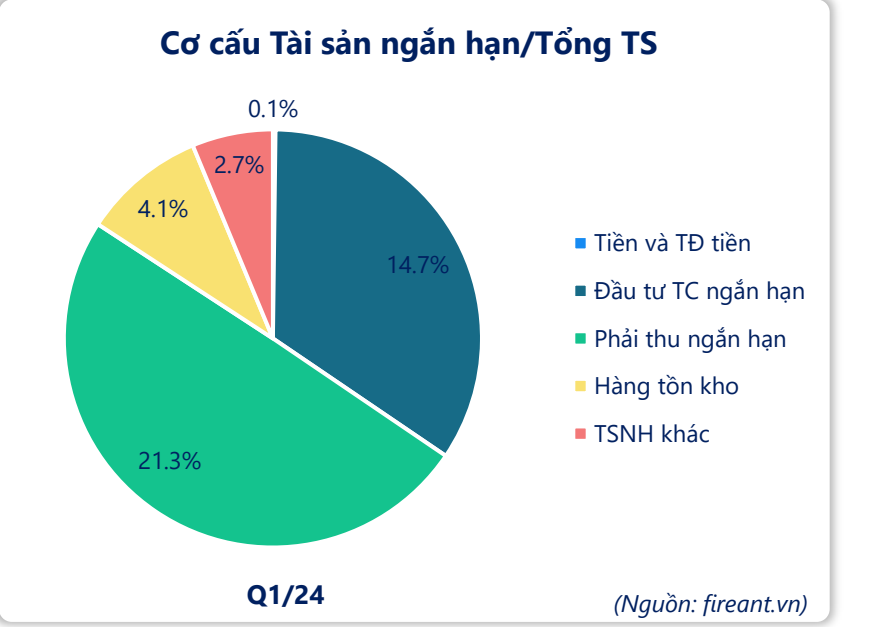
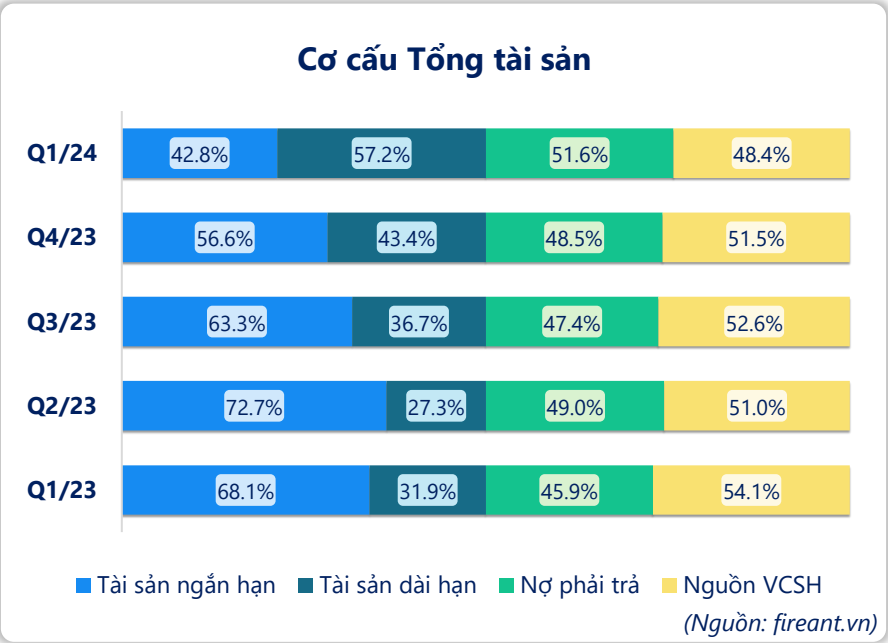
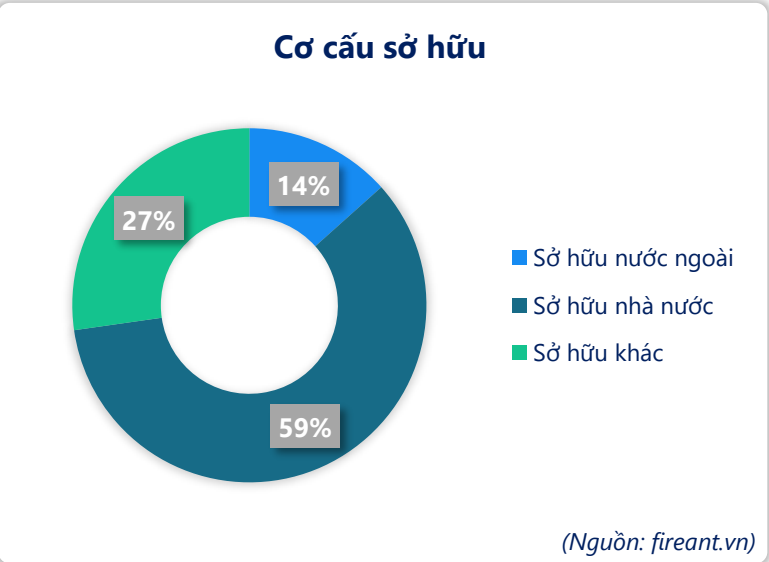
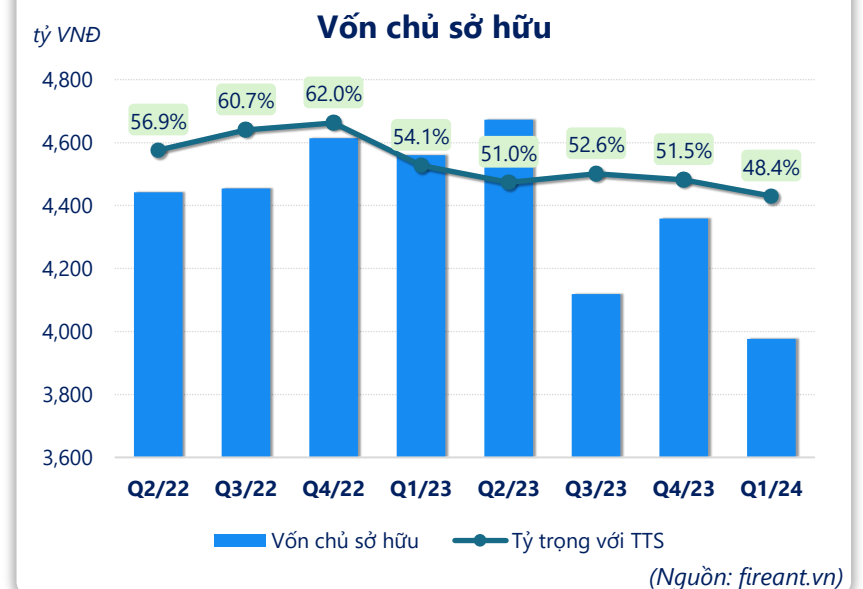
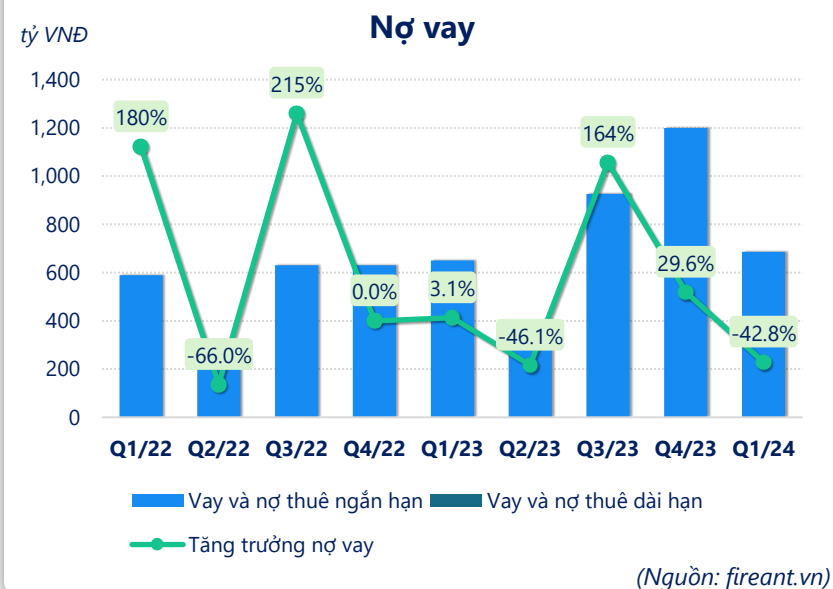
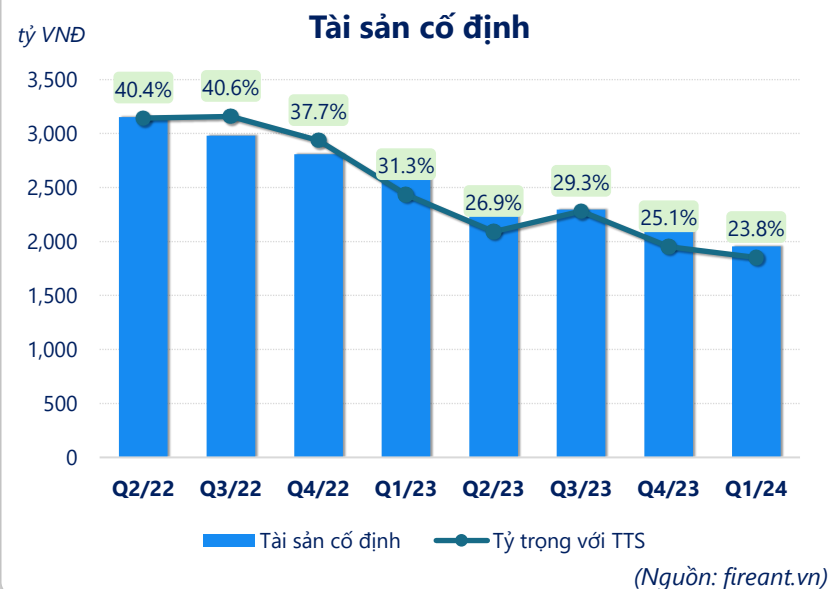
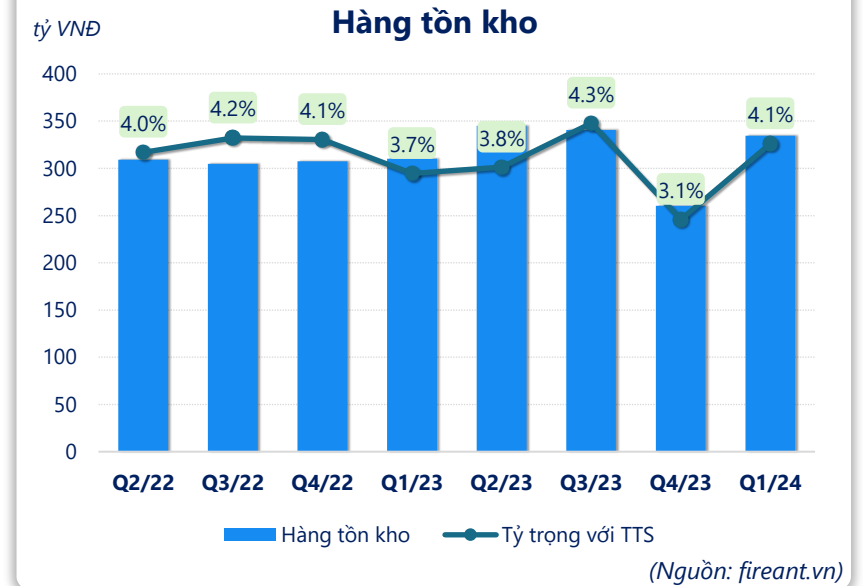
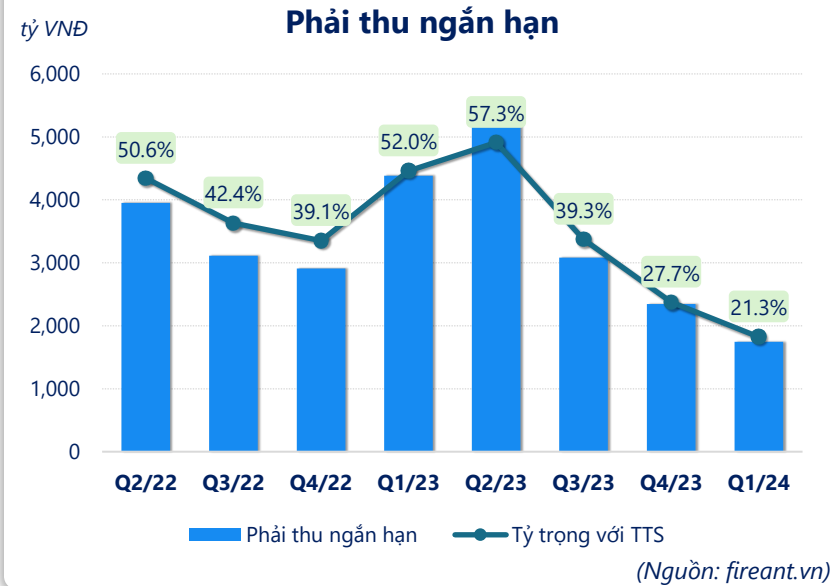
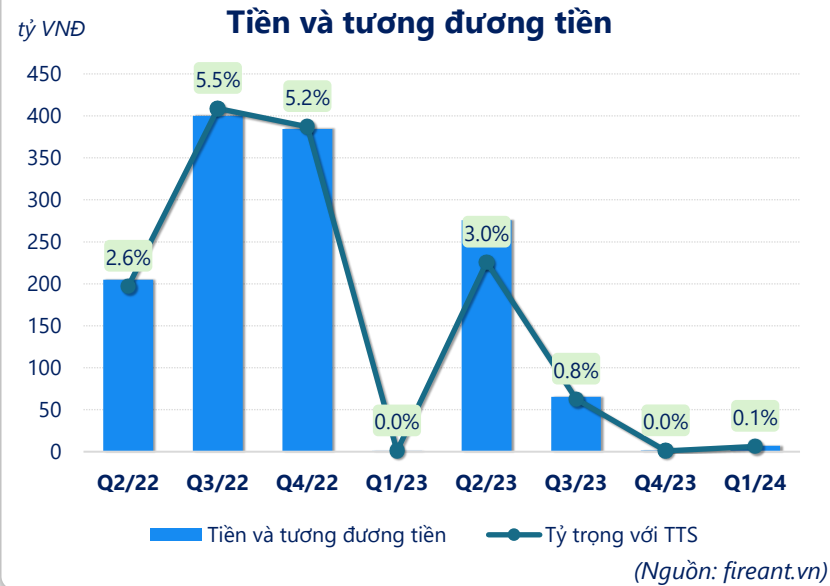
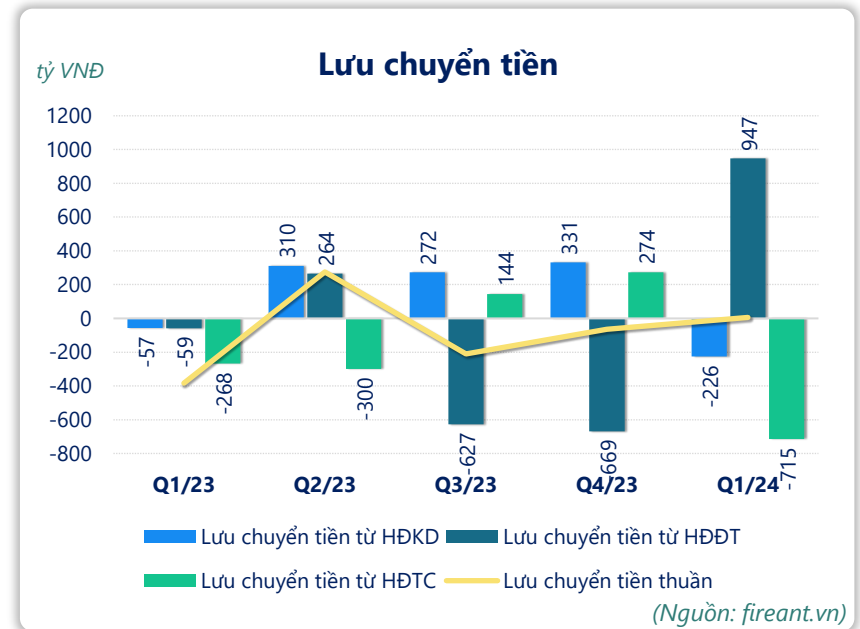
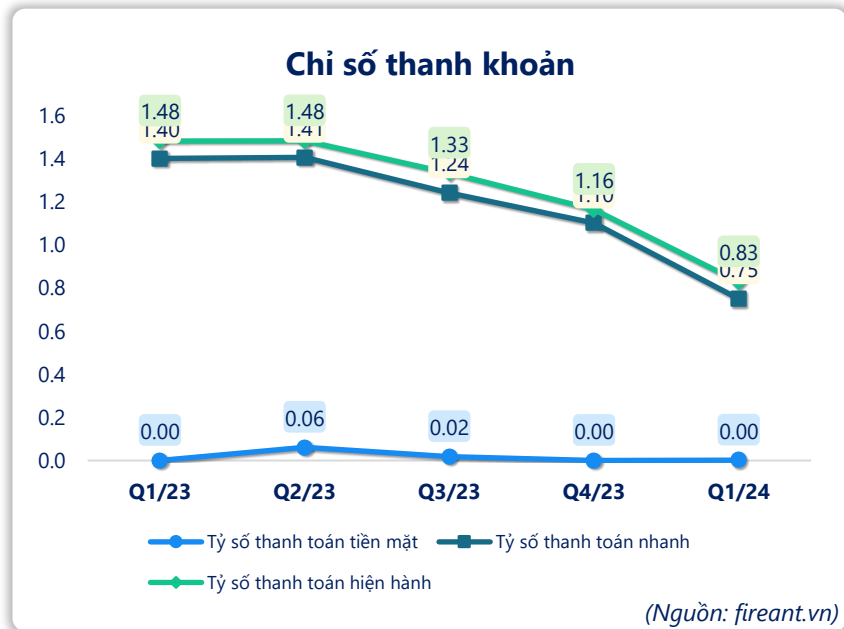
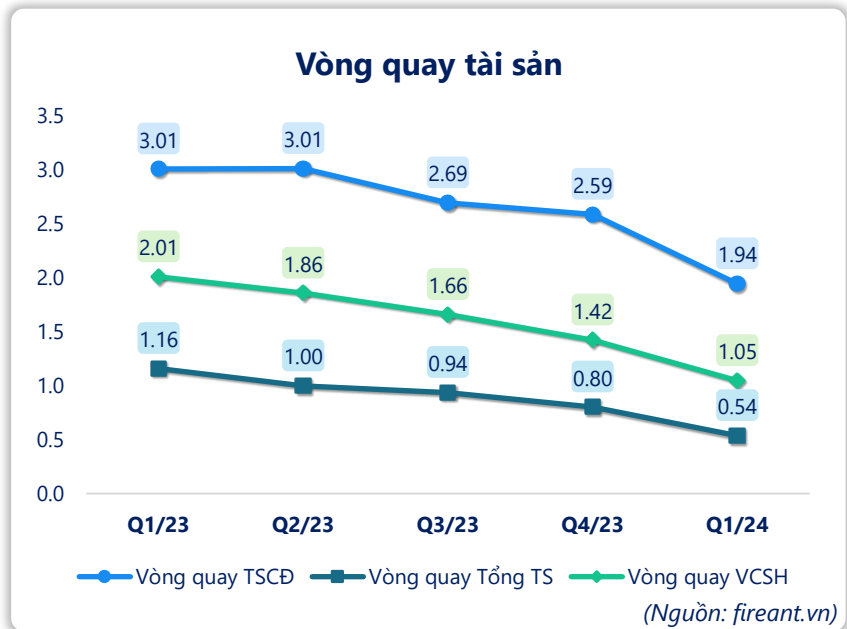
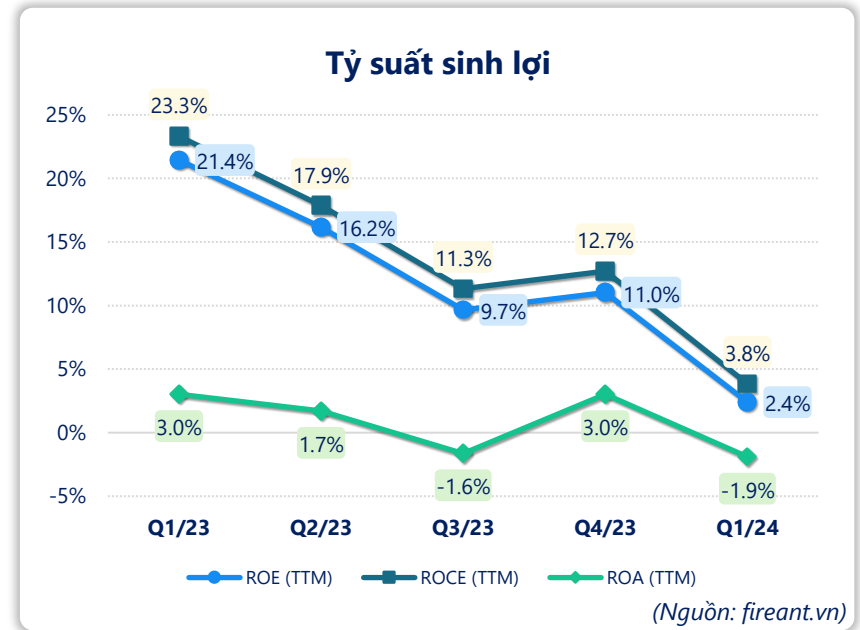
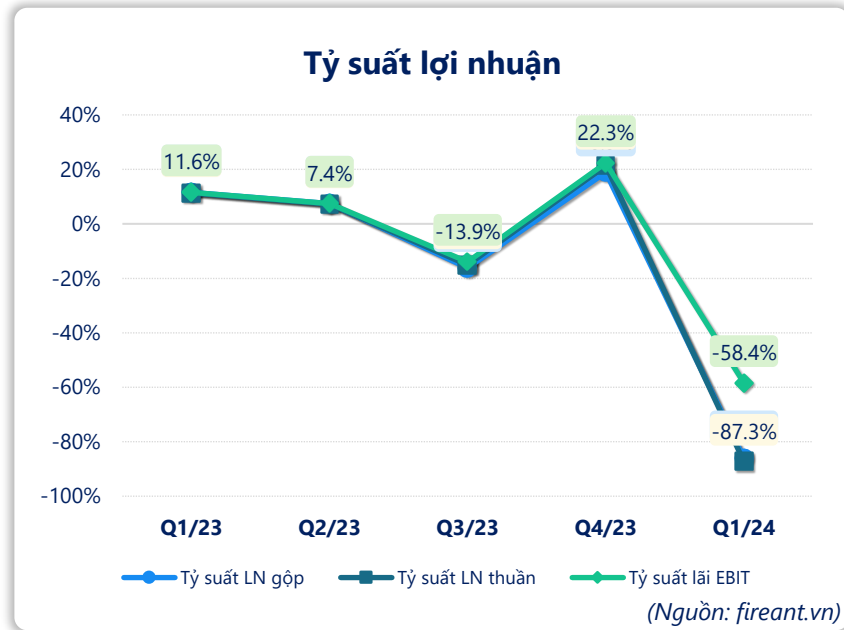
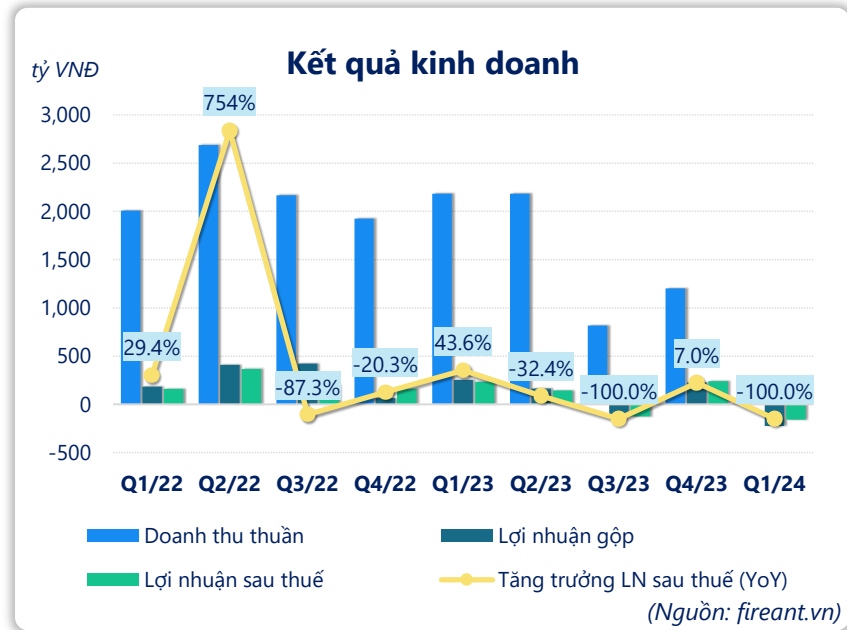


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		24,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,030
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,843
SL cổ phiếu LH		287,876,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,143,740
% sở hữu nước ngoài		13.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		7,154
P/E		69.8
EPS		356

	YTD	1T	3T	6T
NT2	3.8%	-2.1%	8.5%	4.2%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	8,210	8,451	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	3,512	4,770	-26.4%
Tiền và tương đương tiền	6.97	1.15	504%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,204	2,100	-42.7%
Phải thu ngắn hạn	1,746	2,326	-24.9%
Hàng tồn kho	335	260	28.5%
Tài sản ngắn hạn khác	220	82.7	166%
Tài sản dài hạn	4,699	3,681	27.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,954	2,125	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2,744	1,556	76.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,234	4,115	2.9%
Nợ ngắn hạn	4,234	4,115	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	686	1,200	-42.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,484	1,680	47.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,976	4,336	-8.3%
Vốn chủ sở hữu	3,976	4,336	-8.3%
Vốn điều lệ	2,879	2,879	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	2,183	2,183	816	1,201	262
Giá vốn hàng bán	1,931	2,021	949	974	487
Lợi nhuận gộp	252	162	-132	227	-225
Doanh thu HĐTC	22.1	17.5	35.2	32.1	19.4
Chi phí TC	7.11	4.92	10.6	11.9	7.89
Chi phí lãi vay	7.11	4.92	10.3	11.5	5.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	20.1	17.7	16.5	-9.58	14.7
LN thuần từ HĐKD	246	157	-124	257	-229
Lợi nhuận khác	-0.32	0.16	0.16	-0.07	70.5
LN trước thuế	246	157	-124	257	-158
Lợi nhuận sau thuế	234	144	-124	240	-158
LNST của CĐ cty mẹ	234	144	-124	240	-158

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.8	310	272	331	-226
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.5	264	-627	-669	947
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-268	-300	144	274	-715
Tiền đầu kỳ	384	0.99	276	65.3	1.15
Lưu chuyển tiền thuần	-383	275	-211	-64.2	5.82
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.99	276	65.3	1.15	6.97

(Nguồn: fireant.vn)